

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
Mã chứng khoán : HSA
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 14, số 1 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại : (024) 35379671
Người công bố thông tin : LÃ GIANG TRUNG
Địa chỉ : Tầng 14, tòa nhà Việt, số 1 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại : (024) 35379671
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ Bất thường
 Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố : Công bố thông tin về báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thông tin này đã được công bố vào ngày 20/07/2017 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: <http://hestia.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổng Giám đốc

LÃ GIANG TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 24
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hestia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 14, số 1 Thái Hà, Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Giang Trung	Chủ tịch	
Bà Trần Hoàng Thanh Thảo	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu	Thành viên	
Bà Trần Phương Dung	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Khang	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 31/03/2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Giang Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Trưởng ban	
Bà Đỗ Thị Hằng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 31/03/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lã Giang Trung

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hestia

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hestia được lập ngày 10 tháng 07 năm 2017, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hestia chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hestia tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2017

05.
GT
KIỂM
AN
9.
GT
HÀ
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		85.437.472.846	50.653.313.617
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.286.650.415	64.293.076
111	1. Tiền		4.286.650.415	64.293.076
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	80.944.399.667	50.500.924.119
121	1. Chứng khoán kinh doanh		81.261.409.098	50.606.604.945
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(317.009.431)	(105.680.826)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		206.422.764	76.611.590
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	9.571.590
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		23.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	183.422.764	67.040.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	11.484.832
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	-	11.484.832
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		85.437.472.846	50.653.313.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		59.149.086.264	33.403.434.697
310	I. Nợ ngắn hạn		59.149.086.264	33.403.434.697
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		4.986.058	30.000.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	1.739.406.584	-
314	3. Phải trả người lao động		86.578.688	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	8	611.392.964	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	9	1.000.000	900.959.363
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6	56.705.721.970	32.472.475.334
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.288.386.582	17.249.878.920
410	I. Vốn chủ sở hữu	10	26.288.386.582	17.249.878.920
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		16.800.000.000	16.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		16.800.000.000	16.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.488.386.582	1.249.878.920
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		449.878.920	(3.167.428.461)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		9.038.507.662	4.417.307.381
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		85.437.472.846	50.653.313.617



Trần Thị Hiền
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017



Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lã Giang Trung
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	11	13.478.431.410	4.397.887.558
22	7. Chi phí tài chính	12	1.538.947.539	1.874.329.075
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.190.900.222</i>	<i>653.685.900</i>
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13	656.594.793	129.767.252
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.282.889.078	2.393.791.231
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.282.889.078	2.393.791.231
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14	2.244.381.416	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.038.507.662	2.393.791.231
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	5.380	2.660
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16	3.508	2.660





Trần Thị Hiền
Người lập biểu

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng

Lã Giang Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		49.304.869.187	24.169.125.169
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(67.836.973.004)	(24.627.046.071)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(308.040.000)	-
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(579.507.257)	(653.685.900)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(500.000.000)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		91.459.831	56.944.986
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(247.526.941)	(3.920.000)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(20.075.718.184)</i>	<i>(1.058.581.816)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.828.887	68.384
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>64.828.887</i>	<i>68.384</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		89.332.391.422	25.271.422.857
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(65.099.144.786)	(24.169.245.169)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>24.233.246.636</i>	<i>1.102.177.688</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.222.357.339	43.664.256
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		64.293.076	5.949.754
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	4.286.650.415	49.614.010

Trần Thị Hiền
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lã Giang Trung
Tổng Giám đốc

1597

NG T
PHẢI
STI

HỒ H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 14, số 1 Thái Hà, Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 16.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 16.800.000.000 đồng; tương đương 1.680.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Mua bán chứng khoán kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ, đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.7. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

105
VGT
HIỆM
KIỂM
AA
V KIẾ

T. C. P.
★

2.9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.10. Doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.11. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.



2.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.286.650.415	64.293.076
	4.286.650.415	64.293.076

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Phụ lục số 01 - Các khoản Đầu tư tài chính

5. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ký cược, ký quỹ	130.136.764	-	-	-
- Phải thu cổ tức bằng tiền	53.286.000	-	67.040.000	-
	183.422.764	-	67.040.000	-

6. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội	32.472.475.334	32.472.475.334	15.194.147.202	47.666.622.536	-	-
- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (*)	-	-	47.182.376.620	17.432.522.250	29.749.854.370	29.749.854.370
- Các khoản vay cá nhân (**)	-	-	26.955.867.600	-	26.955.867.600	26.955.867.600
	32.472.475.334	32.472.475.334	89.332.391.422	65.099.144.786	56.705.721.970	56.705.721.970

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

(*) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS) số 301109/GD-VCBS ngày 06/01/2017, lãi suất cho vay được Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam quy định tại từng thời kỳ, hạn mức cho vay tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của VCBS trong từng thời kỳ, thời hạn vay tối đa 3 tháng kể từ ngày thực hiện giải ngân khoản vay. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản có trong tài khoản giao dịch ký quỹ của Công ty bao gồm: tiền mặt, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước công bố tùy từng thời điểm. Số dư đến thời điểm 30/06/2017 là 29.749.854.370 đồng.

(**) Các hợp đồng vay cá nhân thời hạn 12 tháng kể từ ngày vay, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời hạn vay, bên vay có quyền quyết định phát hành cổ phiếu để chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu, trong trường hợp bên cho vay không chuyển đổi gốc vay thành cổ phiếu thì lãi suất cho vay là 8%/năm, các khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tổng giá trị gốc vay đến thời điểm 30/06/2017 là 26.955.867.600 đồng. Chi tiết như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2017	01/01/2017
				VND	VND
Chu Minh Ngọc - Hợp đồng vay số 03/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	1.012.516.600	-
Nguyễn Đức Cường - Hợp đồng vay số 04/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	150.000.000	-
Trần Phương Dung - Hợp đồng vay số 01/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	2.623.100.000	-
Nguyễn Ngọc Phương - Hợp đồng vay số 05/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Tạ Thanh Huyền - Hợp đồng vay số 06/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	300.000.000	-
Lê Minh - Hợp đồng vay số 09/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	500.000.000	-

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2017	01/01/2017
Đoàn Ngọc Hiệp - Hợp đồng vay số 08/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	500.000.000	-
Nguyễn Quang Tâm - Hợp đồng vay số 10/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	1.316.750.000	-
Phan Thị Lan Anh - Hợp đồng vay số 11-A/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	300.000.000	-
Phan Thị Lan Anh - Hợp đồng vay số 11-B/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	358.375.000	-
Nguyễn Hoài Nam - Hợp đồng vay số 15/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Đỗ Mạnh Hoàng - Hợp đồng vay số 12/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	1.000.426.000	-
Chu Ngọc Thắng - Hợp đồng vay số 16/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	1.212.000.000	-
Nguyễn Việt Thái - Hợp đồng vay số 17/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	150.000.000	-
Nguyễn Ngọc Phương - Hợp đồng vay số 18/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	31.200.000	-
Nguyễn Minh Hòa - Hợp đồng vay số 13/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000	-
Đặng Anh Vũ - Hợp đồng vay số 19/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Nguyễn Việt Thái - Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Nguyễn Thanh Nguyệt - Hợp đồng vay số 22/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Trần Văn Tài - Hợp đồng vay số 23/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Đặng Lan Hương - Hợp đồng vay số 20/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	402.800.000	-
Đặng Thị Diễm - Hợp đồng vay số 24/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	250.000.000	-
Nguyễn Thị Tâm Giao - Hợp đồng vay số 25/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	250.000.000	-
Nguyễn Đức Cường - Hợp đồng vay số 26/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Nguyễn Anh Tuấn - Hợp đồng vay số 27/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	210.000.000	-
Nguyễn Đức Cường - Hợp đồng vay số 26A/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000	-
Trịnh Phương Thanh - Hợp đồng vay số 28/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	500.000.000	-
Phạm Ngọc Hà - Hợp đồng vay số 29/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	121.700.000	-
Lưu Mai Phương - Hợp đồng vay số 30/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Trần Thị Hiền - Hợp đồng vay số 31/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	280.000.000	-
Đỗ Ngọc Minh - Hợp đồng vay số 34/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000	-
Lã Quốc Phòng - Hợp đồng vay số 36/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	880.000.000	-
Lã Trung Hiếu - Hợp đồng vay số 35/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	4.000.000.000	-
Trần Trung Thành - Hợp đồng vay số 32/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	500.000.000	-
Phạm Văn Nước - Hợp đồng vay số 21/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	300.000.000	-
Ngô Kim Huyền - Hợp đồng vay số 37/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	300.000.000	-

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2017	01/01/2017
Trần Thị Minh Hạnh - Hợp đồng vay số 33/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	500.000.000	-
Nguyễn Long Hưng - Hợp đồng vay số 38/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	207.000.000	-
Nguyễn Minh Hằng - Hợp đồng vay số 39/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	150.000.000	-
Nguyễn Thanh Nguyệt - Hợp đồng vay số 40/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	550.000.000	-
Nguyễn Minh Hằng - Hợp đồng vay số 42/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	600.000.000	-
Nguyễn Ngọc Quang - Hợp đồng vay số 43/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	150.000.000	-
Đặng Ngọc Anh - Hợp đồng vay số 44/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	400.000.000	-
Nguyễn Hữu Dũng - Hợp đồng vay số 41/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Đỗ Thị Minh Trang - Hợp đồng vay số 45/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000	-
Trần Thị Vân - Hợp đồng vay số 47/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Nguyễn Xuân Thạch - Hợp đồng vay số 46/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	1.200.000.000	-
Hoàng Ngọc Quang - Hợp đồng vay số 52/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000	-
Chu Quốc Khánh - Hợp đồng vay số 53/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	400.000.000	-
Nguyễn Thành Hưng - Hợp đồng vay số 50/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	600.000.000	-
Nguyễn Quang Tuấn - Hợp đồng vay số 51/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	1.300.000.000	-
Nguyễn Phương Thảo - Hợp đồng vay số 48/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000	-
Trịnh Phương Thanh - Hợp đồng vay số 49/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000	-
Trương Thị Thanh Hà - Hợp đồng vay số 54/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000	-
Bùi Diệu Hương - Hợp đồng vay số 56/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000	-
Hồ Sỹ Việt Anh - Hợp đồng vay số 58/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	500.000.000	-
Tạ Thị Diễm Hương - Hợp đồng vay số 55/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	250.000.000	-
				26.955.867.600	-



7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.484.832)	2.244.381.416	500.000.000	1.732.896.584
- Thuế thu nhập cá nhân	-	7.860.000	1.350.000	6.510.000
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	(11.484.832)	2.255.241.416	504.350.000	1.739.406.584

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	611.392.964	-
	611.392.964	-

9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Phải trả khác tiền ứng kinh doanh cá nhân ông Lê Giang Trung	1.000.000	41.672.363
- Giá trị mua cổ phiếu MWG đã khớp lệnh nhưng chưa thanh toán	-	859.287.000
	1.000.000	900.959.363

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	8.200.000.000	(3.167.428.461)	5.032.571.539
Lãi trong kỳ trước	-	2.393.791.231	2.393.791.231
Số dư cuối kỳ trước	8.200.000.000	(773.637.230)	7.426.362.770
Số dư đầu kỳ này	16.000.000.000	1.249.878.920	17.249.878.920
Tăng vốn trong kỳ này (*)	800.000.000	(800.000.000)	-
Lãi trong kỳ này	-	9.038.507.662	9.038.507.662
Số dư cuối kỳ này	16.800.000.000	9.488.386.582	26.288.386.582

(*) Trong kỳ, Công ty có thực hiện tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu thưởng ESOP cho Ban điều hành tỷ lệ 5% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế, tổng số vốn điều lệ tăng thêm là 800.000.000 đồng tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm là 80.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu, phù hợp với mục đích tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2017.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
Ông Lã Giang Trung	4.018.000.000	23,92%	3.378.000.000	21,11%
Bà Trần Phương Dung	2.123.000.000	12,64%	2.123.000.000	13,27%
Ông Phạm Thanh Sơn	755.000.000	4,49%	755.000.000	4,72%
Ông Nguyễn Đức Khang	983.000.000	5,85%	820.000.000	5,13%
Bà Dương Minh Ngọc	525.000.000	3,13%	525.000.000	3,28%
Ông Nguyễn Xuân Thạch	519.000.000	3,09%	519.000.000	3,24%
Ông Nguyễn Tuấn Đạt	2.062.000.000	12,27%	2.062.000.000	12,89%
Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu	1.305.000.000	7,77%	1.305.000.000	8,16%
Ông Đào Gia Hưng	3.078.000.000	18,32%	3.078.000.000	19,24%
Vốn góp của cổ đông khác	1.432.000.000	8,52%	1.435.000.000	8,97%
	16.800.000.000	100%	16.000.000.000	100%

e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.800.000.000	8.200.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	16.000.000.000	8.200.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	800.000.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	16.800.000.000	8.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(800.000.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(800.000.000)	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.680.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.680.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.680.000	986.000
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết (*)	-	614.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.680.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.680.000	986.000
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết (*)	-	614.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

(*) Đây là cổ phiếu của cổ đông sáng lập và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ khi thành lập Công ty (19/02/2014). Hạn chế này đã hết hiệu lực vào ngày 19/02/2017.

II. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	3.846.887	68.384
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	13.413.602.523	4.397.819.174
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.982.000	-
	13.478.431.410	4.397.887.558

12. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi tiền vay	1.190.900.222	653.685.900
Lỗ do kinh doanh chứng khoán	136.718.712	1.844.500.346
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	211.328.605	(626.550.177)
Chi phí tài chính khác	-	2.693.006
	1.538.947.539	1.874.329.075

13. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân công	394.618.688	75.000.000
Thuế, phí, lệ phí	11.039.182	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.702.896	45.458.138
Chi phí khác bằng tiền	77.234.027	7.309.114
	656.594.793	129.767.252

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.282.889.078	2.393.791.231
Các khoản điều chỉnh giảm	(60.982.000)	(2.393.791.231)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(60.982.000)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(2.393.791.231)
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.221.907.078	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.244.381.416	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(11.484.832)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(500.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.732.896.584	-

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.038.507.662	2.393.791.231
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.038.507.662	2.393.791.231
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.680.000	900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.380	2.660

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

16. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.038.507.662	2.393.791.231
Các khoản điều chỉnh	256.683.529	-
- Chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay chuyển đổi thành cổ phiếu	320.854.411	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(64.170.882)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.295.191.191	2.393.791.231
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.680.000	900.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	969.621	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.508	2.660

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.286.650.415	-	64.293.076	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	183.422.764	-	76.611.590	-
Đầu tư ngắn hạn	81.261.409.098	(317.009.431)	50.606.604.945	(105.680.826)
	85.731.482.277	(317.009.431)	50.747.509.611	(105.680.826)

364
CÔNG
CỤ TÀI
CHÍNH
PHỔ
THÔNG

364
CÔNG
CỤ TÀI
CHÍNH
PHỔ
THÔNG

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	56.705.721.970	32.472.475.334
Phải trả người bán, phải trả khác	5.986.058	930.959.363
Chi phí phải trả	611.392.964	-
	57.323.100.992	33.403.434.697

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.286.650.415	-	-	4.286.650.415
Phải thu khách hàng, phải thu khác	183.422.764	-	-	183.422.764
Đầu tư ngắn hạn	80.944.399.667	-	-	80.944.399.667
	85.414.472.846	-	-	85.414.472.846
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.293.076	-	-	64.293.076
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.611.590	-	-	76.611.590
Đầu tư ngắn hạn	50.500.924.119	-	-	50.500.924.119
	50.641.828.785	-	-	50.641.828.785

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	56.705.721.970	-	-	56.705.721.970
Phải trả người bán, phải trả khác	5.986.058	-	-	5.986.058
Chi phí phải trả	611.392.964	-	-	611.392.964
	57.323.100.992	-	-	57.323.100.992
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	32.472.475.334	-	-	32.472.475.334
Phải trả người bán, phải trả khác	930.959.363	-	-	930.959.363
	33.403.434.697	-	-	33.403.434.697

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

18. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	89.332.391.422	25.271.422.857
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	(65.099.144.786)	(24.169.245.169)

19. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Công ty chỉ hoạt động trên địa bàn Thành phố Hà Nội và chỉ kinh doanh lĩnh vực mua bán chứng khoán nên không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và theo lĩnh vực kinh doanh.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND	
Phải trả khác			
Ông Lê Giang Trung	Chủ tịch HĐQT	1.000.000	41.672.363

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	243.000.000	54.000.000

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 (chưa được soát xét).

Trần Thị Hiền

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Lê Giang Trung
Tổng Giám đốc

1170
ÔNG
NHIỆM
G KIỂM
AAS
KIỂM
C
H
LIÊN

PHỤ LỤC SỐ 02 - CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH

Mã Chứng khoán	Số dư đầu năm	Mua trong kỳ	Bán trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Giá trị bán thu được	Lãi /lỗ thuần	Lãi từ kinh doanh chứng khoán	Lỗ do kinh doanh chứng khoán
MWG	49.570.408.618	54.140.964.400	34.366.198.071	69.345.174.947	47.692.575.667	13.326.377.596	13.326.377.596	-
SED	809.600.826	-	809.600.826	-	674.346.960	(135.253.866)	-	(135.253.866)
BMC	226.595.501	-	226.447.689	147.812	293.776.672	67.328.983	68.793.829	(1.464.846)
HVT	-	572.894.000	-	572.894.000	14.392.379	14.392.379	14.392.379	-
NSC	-	4.365.209.009	101.302.029	4.263.906.980	105.340.748	4.038.719	4.038.719	-
VNS	-	1.178.453.016	-	1.178.453.016	-	-	-	-
CNG	-	323.985.251	-	323.985.251	-	-	-	-
PVB	-	163.464.830	-	163.464.830	-	-	-	-
HPP	-	134.471.405	-	134.471.405	-	-	-	-
HDG	-	1.646.586.677	-	1.646.586.677	-	-	-	-
TA9	-	2.220.465.710	-	2.220.465.710	-	-	-	-
ADP	-	1.295.684.470	-	1.295.684.470	-	-	-	-
VTA	-	116.174.000	-	116.174.000	-	-	-	-
Tổng	50.606.604.945	66.158.352.768	35.503.548.615	81.261.409.098	48.780.432.426	13.276.883.811	13.413.602.523	(136.718.712)



**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM
NGOÀI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước Việt Nam
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Mã chứng khoán : HSA

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 14 số 1 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại : 0243.5379.671

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo tài chính quý 2 năm 2017, lợi nhuận sau thuế là (1.047.748.063) đồng so với cùng kỳ quý 2 năm 2016 lợi nhuận sau thuế là 3.744.175.265 đồng. Như vậy kết quả kinh doanh quý 2 năm 2017 có giảm so với quý 2 năm 2016 trên 10%.

Căn cứ vào báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận sau thuế là 9.038.507.662 đồng so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2016 lợi nhuận sau thuế là 2.393.791.231 đồng. Như vậy kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 có tăng so với 6 tháng đầu năm 2016 trên 10%.

Theo quy định của thông tư, công ty xin làm biên bản giải trình các lý do làm tăng kết quả kinh doanh của công ty như sau:

Do loại hình kinh doanh của công ty đặc thù chủ yếu là đầu tư tài chính trên thị trường chứng khoán và với sự khởi sắc của thị trường chứng khoán năm 2017 nên hoạt động đầu tư của công ty đạt được hiệu quả cao, cụ thể:

- Doanh thu tài chính quý 1 năm 2017 đạt 13.414.385.617 đồng. Trong khi chi phí của doanh nghiệp không biến động nhiều so với cùng kỳ năm trước. Như vậy tỷ lệ tăng lợi nhuận của doanh nghiệp quý 1/2017 tăng cao so với quý 1/2016 chủ yếu là do doanh thu tài chính của doanh nghiệp tăng cao.

- Quý 2 Công ty tăng cường thực hiện hoạt động đầu tư thêm vào thị trường chứng khoán. Đó là lý do doanh thu quý 2 năm 2017 chỉ đạt 64.045.609 đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 2 năm 2017



tăng so với quý 2 năm 2016 do nhân lực làm việc trong công ty và chi phí văn phòng tăng. Lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2017 cao chủ yếu dựa vào lợi nhuận của quý 1 năm 2017.

Trên đây là lý do làm lợi nhuận quý 2 năm 2017 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm 2016. Nhưng lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017 lại tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2016.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HSHC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÀ GIANG TRUNG

0106459724-C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HESTIA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI